**TUẦN 32:**

**CHỦ ĐỀ 12: PHÉP NHÂN PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

BÀI 65. TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Củng cố kĩ năng tìm phân số của một số.

- Rèn kĩ năng giải được một số bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số của một số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ**

**Ngày dạy: 22/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu cách chia hai phân số+ Câu 2: $$\frac{2}{8}:\frac{3}{4}=$$+ Câu 3:$$\frac{3}{7}:\frac{5}{8}=$$+Câu 4: $$\frac{2}{7}:\frac{4}{9}=$$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: Muốn chia hai phân số: ta nhân với phân số thứ hai đảo ngược.+ $$\frac{2}{8}:\frac{3}{4}=\frac{2×4}{8×3}=\frac{8}{24}=\frac{1}{3}$$+ $$\frac{3}{7}:\frac{5}{8}=\frac{3×8}{7×5}=\frac{24}{35}$$+$$\frac{2}{7}:\frac{4}{9}=\frac{2×9}{7×4}=\frac{18}{28}=\frac{9}{14}$$- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** - Mục tiêu: + Biết cách tìm phân số của một số.+Làm quen và giải được một số bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số của một số- Cách tiến hành: |
| - GV giới thiệu cho học sinh đọc lời thoại trong SGK và Hỏi:+Việt làm được tất cả bao nhiêu cái bánh?- Gv hỏi : Việt đã phủ kem được mấy phần số bánh? Chia 12 cái bánh thành 3 phần bằng nhau, Việt đã phủ kem 2 phần tức là đã phủ kem 2/3 số bánh ....Theo lời Rô bốt thì Việt đã phủ kem được bao nhiêu cái bánh?GV cho học sinh quan sát hình vẽ và đếm số bánh kem Việt đã phủ kem GV gợi ý học sinh làm miệng cách tìmGợi ý rút ra cách tìm:$$12x\frac{2}{3}= 8 (cái)$$Vậy :$$Muốn tìm \frac{2}{3}của 12 ta lấy 12 nhân$$$$ với \frac{2}{3}$$- GV nhận xét, tuyên dương.- Cho học sinh lấy một vài ví dụ minh họa:+ Tìm $\frac{2}{3}của 15$+ Tìm $\frac{3}{4}của 20$ | Học sinh đọc lời thoại trong tranh SGK trang 95- HS trả lời + Việt làm được 12 cái bánh+ Việt phủ được 2 phần số bánh+ Việt phủ kem được 8 cái bánh- Học sinh theo dõi, ghi vở- Học sinh nêu lại cánh tìm phân số của một số ta lấy số đó nhân với phân số.Học sinh nêu miệng nối tiếp$$15x\frac{2}{3}= 10$$$$20x\frac{3}{4}= 15$$ |
| **3. Thực hành, luyện tập** - Mục tiêu: + Vận dụng tìm phân số của một số.+Thực hành giải được một số bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số của một số- Cách tiến hành: |
| Bài 1/96 Số? -Làm cá nhân-GV cho học sinh đọc đề, khai thác nêu cách giải và điền số vào dẩu ?ghi vởMột lớp học có 42 học sinh, trong đó $\frac{4}{7} $số học sinh là nữ tính. Tính số học sinh nữ của lớp học đó.- GV nhận xét, củng cố lại cách tìm phân số của một số.Bài 2/96: Bạn mai rót nước vào ly để làm bộ gõ nhạc. Ly thứ nhất, mai rót 150 ml. Ly thứ hai có lượng nước bằng $\frac{8}{5}$ lượng nước trong ly thứ nhất. Tính lượng nước trong ly thứ hai? (Nhóm 2) - GV chia nhóm 2 - GV gọi HS nêu đọc đề khai thác làm vở và phiếu nhóm, đại diện trình bày chia sẻ trước lớp- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.Bài 3: Trong tháng Một, một công ty sản xuất được 4500 đôi giày số đôi giày. Công ty đó sản xuất được trong tháng Hai bằng $\frac{3}{5}$ số đôi giày sản xuất trong tháng Một.Tính số đôi giày công ty sản xuất được trong tháng Hai..? (Làm việc cá nhân ) - GV gọi HS nêu đọc đề khai thác làm vở và phiếu nhóm, đại diện trình bày chia sẻ trước lớp- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét chung, tuyên dương, chấm đánh giá một số vở học sinh.\* Gv củng cố liên hệ: Tháng Hai thường có ít ngày hơn tháng Một (Tháng Hai có 28 hoặc 29 ngày) hại hay vào nghỉ Tết Nguyên Đán nên các công ty sẽ có sản lượng thấp hơn tháng Một. | - HS lần lượt làm vở, đổi vở soát, nhận xét:- 1 HS đại diện trình bày bảng lớp:Bài giảiSố học sinh nữ là:42 $×\frac{4}{7}= 24 (học sinh)$Đáp số: $24 học sinh nữ$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. Học sinh trao đổiKhai thác đề cho biết gì? Hỏi gì? Thực hiện phép tính nào? thuộc dạng toán nào? Hs trình bày vào vở, phiếu nhóm:Bài giảiLượng nước trong ly thứ hai là:150 $×\frac{8}{5} =240 (ml$)Đáp số: 240 ml- HS theo dõi lắng nghe và chữa bài- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. Học sinh trao đổiKhai thác đề cho biết gì? Hỏi gì? Thực hiện phép tính nào? thuộc dạng toán nào? Hs trình bày vào vở, đổi vở nhận xét:Bài giảiSố đôi giày công ty sản xuất được trong tháng Hai là:4500 $×\frac{3}{5} =2700 (đôi giày$)Đáp số: 2700 đôi giàyLắng nghe, rút kinh nghiệm, ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số:- Nêu cách tìm phân số của một số-Cho ví dụ và thực hiện- Nhận xét, tuyên dương.- Hướng dẫn chuẩn bị bài sau bài Luyện tập trang 96-97 | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Lấy số đó nhân với phân số- Tìm $\frac{5}{6}$ của 120 120 $×\frac{5}{6}= 100$- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 23/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** |
| - YC HS nhảy theo nhạc bài hát *Chiếc thuyền nan.*- GV gtb | - HS nhảy.- HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành luyện tập** - Mục tiêu: + Vận dụng tìm phân số của một số.+Thực hành giải được một số bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số của một số- Cách tiến hành: |
| **Bài 1/96** -***Làm cá nhân***Trên dây điện có 20 con chim đang đậu. Trong đó, $\frac{3}{5} $số chim đang đậu là chim sẻ. Hỏi có bao nhiêu con chim sẻ đang đậu trên dây điện? -GV cho học sinh đọc đề, khai thác nêu cách giải, làm vở.- GV NX, củng cố lại cách tìm phân số của một số.**Bài 2/97**: Một chiếc tàu thủy cũ kể với ca nô. Tôi đã làm việc tròn nửa thế kỷ trong quãng thời gian đó tôi dành. $\frac{1}{2}$ thời gian để chở hàng trên Đại Tây Dương. $\frac{2}{5} $thời gian chở hàng trên Thái Bình Dương, thời gian còn lại tôi chở hàng trên ấn Độ Dương.a. Tàu thủy chở hàng? năm trên Đại Tây Dương.b. Tàu thủy chở hàng? năm trên Thái Bình Dương. c. Tàu thủy chở hàng? năm trên ấn Độ Dương. ***(Làm việc nhóm 4)*** - GV chia nhóm 4 - GV gọi HS nêu đọc đề khai thác làm vở và phiếu nhóm, đại diện trình bày chia sẻ trước lớpGv gợi ý: Nửa thế kỉ là bao nhiêu năm?- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.**Bài 3/97**: Một con báo săn chạy 198m hết $\frac{1}{10}$ phút. Hỏi trung bình mỗi giây con báo săn đó chạy được bao nhiêu mét? (Cá nhân ) - GV gọi HS nêu đọc đề khai thác làm vở và phiếu nhóm, đại diện 1 em trình bày chia sẻ trước lớp- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét chung, tuyên dương chấm đánh giá một số vở học sinh.\* Gv củng cố liên hệ: Bảo tồn động vật thiên nhiên hoang dã không nên săn bắt và ăn thịt thú rừng.**Bài 4/97 *Số?***Chào mào có 16 quả hồng. Chào mào ăn hết một nửa của một nửa số quả hồng đó. Chào mào đã ăn hết ? quả hồng.(làm nhóm đôi)- GV gợi ý hỏi học sinh một nửa viết được phân số nào?Một nửa của một nửa viết được phân số nào?Chào mào ăn hết mấy phần của số quả hồng đó?-Tính số quả hồng chào mào đã ăn?- Gv nhận xét tuyên dương. | - HS đọc đề tìm bài toán cho biết gì? hỏi gì? Thuộc dạng toán nào? Sử dụng phép tính nào để tìm đáp số? lập phép tính? HS lần lượt làm vở, đổi vở soát, nhận xét :- 1 HS đại diện trình bày bảng lớp:Bài giảiSố con chim sẻ đang đậu trên dây điệnlà: 20 $×\frac{3}{5}= 12 (con chim sẻ)$Đáp số: $12 con chim sẻ$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. HS trao đổi:- Nửa thế kỉ là 50 năm- Khai thác đề cho biết gì? Hỏi gì? Thực hiện phép tính và điền kết quả vào dấu? HS trình bày vào vở, phiếu nhóm:Bài giảia. Tàu thủy chở hàng 25 năm trên Đại Tây Dương.b. Tàu thủy chở hàng 20 năm trên Thái Bình Dương. c. Tàu thủy chở hàng 5 năm trên ấn Độ Dương.- HS theo dõi lắng nghe và chữa bài- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. HS trao đổiKhai thác đề cho biết gì? Hỏi gì? Thực hiện phép tính nào? BT thuộc dạng toán nào? Hs trình bày vào vở, đổi vở nhận xét:Bài giảiĐổi $\frac{1}{10}$ phút= 6 giâyTrung bình mỗi giây con báo săn đó chạy được là:198 : 6 = 33 (m)Đáp số: 33 mLắng nghe, rút kinh nghiệm, ghi nhớ.- Học sinh đọc đề, trao đổi nhóm bàn – một người hỏi ,1 người đáp theo câu hỏi giáo viên gợi ý- Trả lời miệngPhân số chỉ một nửa là $\frac{1}{2}$Phân số chỉ một nửa là $\frac{1}{4}$Chào mào ăn hết $ \frac{1}{4}$ của số quả hồng đóVậy chào mào đã ăn hết 4 quả hồng.- Học sinh theo dõi chữa bài |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số:- Nêu cách tìm phân số của một số-Lấy ví dụ và tính kết quả- Nhận xét, tuyên dương.- Hướng dẫn chuẩn bị bài sau bài 66: Luyện tập chung trang 98. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Lấy số đó nhân với phân số- Tìm $\frac{5}{8}$ của 120 120 $×\frac{5}{8}= 75$- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**CHỦ ĐỀ 12: PHÉP NHÂN PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

**BÀI 66. LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức:***

- Củng cố kĩ năng nhân, chia phân số

- Rèn kĩ năng giải được một số bài toán thực tế liên quan đến nhân chia phân số

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 24/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu cách nhân hai phân số + Câu 2: Nêu ví dụ tìm kết quả+ Câu 3: Nêu cách chia hai phân số+Câu 4: nêu ví dụ và tìm kết quả- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ TL: Muốn nhân hai phân số: ta nhân tử số với tử số, mẫu số với mẫu số.+ $$\frac{4}{9}×\frac{2}{8}=\frac{8}{72}=\frac{1}{9}$$+ Muốn chia hai phân số ta nhân với phân số thứ hai đảo ngược+$$\frac{3}{4}: \frac{5}{7}=\frac{3}{4}×\frac{7}{5}=\frac{21}{20}$$- HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành luyện tập** - Mục tiêu: + Vận dụng giải toán nhân chia phân số. +Thực hành giải được một số bài toán thực tế liên quan đến nhân chia phân số.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1/98** Tính? -***Làm cá nhân***$a)\frac{5}{6}×\frac{1}{3}$ b)$\frac{5}{6}: \frac{1}{3}$ c)$\frac{5}{3}$ $- \frac{1}{3}$ : $\frac{1}{4}$- GV cho học sinh đọc yêu cầu đề bài, nêu cách giải, làm vở- GV NX, củng cố lại cách nhân, chia, trừ phân số.**Bài 2/98**: Quãng đường từ nhà anh Thanh đến thị trấn dài 45km. Anh Thanh đi từ nhà ra thị trấn. Khi đi được $\frac{2}{3}$ Quãng đường thì dừng lại nghỉ một lúc. Hỏi anh Thanh phải đi tiếp bao nhiêu ki -lô-mét nữa thì đến thị trấn? s***(Làm việc nhóm 4)*** - GV chia nhóm 4 - GV gọi HS nêu đọc đề khai thác làm vở và phiếu nhóm, đại diện trình bày chia sẻ trước lớpGv gợi ý: 45 kmnhàQuãng đường đi tiếpQuãng đường đã đi- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.Học sinh có thể chọn cách 2:Số phần quãng đường anh Thanh còn phải đi tiếp là : 1 -$ \frac{2}{3}=\frac{1}{3}(quãng đường)$Số ki lô mét anh Thanh còn phải đi tiếp để ra thị trấn là: 45 $×\frac{1}{3}= 15 (km)$Đáp số: 15 km- GV Nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.**Bài 3/98**: Tìm phân số thích hợp? (Nhóm đôi ) - GV gọi HS nêu thành phần phép tính tương ứng cần tìm với mỗi phần và cách tìm.a. Phân số cần tìm thuộc thành phần nào?+ Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào?b. Phân số cần tìm thuộc thành phần nào?+ Muốn tìm số chia ta làm thế nào?c. Phân số cần tìm thuộc thành phần nào?+ Muốn tìm thừa số ta làm thế nào?a.$?:\frac{2}{7} =\frac{5}{11}$ b.$\frac{3}{4}:?=\frac{5}{8}$ c.$?×\frac{6}{11}=1$- Cho HS làm vở.- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét chung, tuyên dương, chấm đánh giá một số vở học sinh.\* Gv củng cố cách tìm số bị chia, số chia, thừa số chưa biết.**Bài 4/98 Chọn câu trả lời đúng*?*** (Nhóm đôi)Một rô -bốt thu hoạch và sấy chuối . Biết cứ 1 kg chuối tươi sấy được $\frac{1}{5}$ kg chuối khô. Nếu rô-bốt thu hoạch được 1 tạ chuối tươi thì sẽ sấy được lượng chuối khô là:A.$\frac{1}{5 }tấn$ B.$\frac{1}{5 }tạ$ C, 5 yến D 5 tạ- GV gợi ý hỏi học sinh Cứ 1 kg chuối tươi sấy được $\frac{1}{5}$ kg chuối khô. Vậy cứ 1 yến chuối tươi sấy được? yến chuối khô ( $\frac{1}{5}$ kg chuối khô. )Nên cứ 1 tạ chuối tươi sấy được $\frac{1}{5}$ tạ chuối khô. Ta có đáp án chọn là B - Gv nhận xét tuyên dương .**Bài 5/99. Tìm phân số thích hợp*?*** (Nhóm 4)Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 4m và diện tích $\frac{91}{2}$ m 2. Người ta đào một cái ao hình chữ nhật trên mảnh đất đó, phần đất còn lại là một lối đi rộng 1m như hình vẽ. Diện tích của cái ao là ? m 2. - Giáo viên cho học sinh đọc đề. Khai thác đề bài, tìm phép tính giải. Tìm đáp số. Làm vở. Một học sinh giải thích. Trước lớp. Lớp nhận xét bổ sung.Giáo viên nhận xét tuyên dương.\* Gv củng cố cách tính chiều dài hình chữ nhật khi biết diện tích và chiều rộng | - HS thực hiện theo GV yêu cầuLàm bảng con:$a)\frac{5}{6}×\frac{1}{3}$ $=\frac{5×1}{6×3}=\frac{5}{18}$ b)$\frac{5}{6}: \frac{1}{3}=\frac{5}{6 }×\frac{3}{1}=\frac{15}{6}$ c)$\frac{5}{3}$ $- \frac{1}{3}$ : $\frac{1}{4}=\frac{5}{3}$ - $\frac{1}{3}×\frac{4}{1}=\frac{5}{3}- \frac{4}{3}=\frac{5 - 4}{3}$ = $\frac{1}{3}$- HS nêu lại cách nhân chia, cộng ,trừ phân số.- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. Học sinh trao đổi khai thác đề cho biết gì hỏi gì lập phép tính nào để tìm kết quả? Hs làm vở, 1 em làm phiếu nhóm, chia sẻ cách làm trước lớp.Bài giảiAnh Thanh đã đi số ki -lô-mét nữa là: 45 $×\frac{2}{3}= 30( km)$Anh Thanh phải đi tiếp số ki -lô-mét nữa để đến thị trấn là:Thị trấn45 – 30 = 15 (km)Đáp số : 15 km- HS theo dõi lắng nghe và chữa bài- 2,3 HS nối tiếp đọc bài, HS trao đổi- Khai thác đề, nêu quy tắc tính theo gợi ý và làm vở.a. Phân số cần tìm là số bị chia, ta cần lấy thương nhân số chia.b. Phân sô cần tìm là số chia, ta lấy số bị chia, chia cho thương.c. Phân sô cần tìm là thừa số, ta lấy tích chia thừa số đã biết.- Học sinh nêu miệng cách tìm và ghi kết quả vào vở.a.$\frac{10}{77}:\frac{2}{7} =\frac{5}{11}$ b.$\frac{3}{4}:\frac{6}{5}=\frac{5}{8}$ c.$\frac{11}{6}×\frac{6}{11}=1$- Lắng nghe, rút kinh nghiệm, ghi nhớ.- Học sinh đọc đề, trao đổi nhóm bàn – một người hỏi, 1 người đáp theo câu hỏi giáo viên gợi ý.Trả lời miệng( $\frac{1}{5}$ kg chuối khô. )Vậy đáp án chọn là B - Học sinh theo dõi, chữa bài-2 3 học sinh nối tiếp đọc đề bài.- Khai thác tìm hiểu đề chọn phép tính.- Tính chiều dài mảnh đất? (là chiều dài ao)Tính chiều rộng của ao? Chiều rộng mảnh đất trừ đi 1m.Tính diện tích của ao? Chiều dài mảnh đất x chiều rộng ao.Làm nháp nêu kết quả. Điền vở. Phân số phù hợp là $$\frac{273}{8} $$- Một học sinh đại diện giải thích. Lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số:- Nêu cách nhân, chia phân số -Lấy ví dụ và tính kết quả- Nhận xét, tuyên dương.- Hướng dẫn chuẩn bị bài sau bài 66: Luyện tập chung trang 99 | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Nhân hai phân số nhân tử số với tử số, mẫu số với mẫu số.- Chia hai phân số ta nhân phân số thứ hai đảo ngược- học sinh nếu ví dự và tính - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 25/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu cách nhân hai phân số + Câu 2: Nêu ví dụ tìm kết quả+ Câu 3: Nêu cách chia hai phân số+Câu 4: nêu ví dụ và tìm kết quả- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:Muốn nhân hai phân số: ta nhân tử số với tử số, mẫu số với mẫu số.+ $$\frac{4}{9}×\frac{2}{8}=\frac{8}{72}=\frac{1}{9}$$+ Muốn chia hai phân số ta nhân với phân số thứ hai đảo ngược+$$\frac{3}{4}: \frac{5}{7}=\frac{3}{4}×\frac{7}{5}=\frac{21}{20}$$- HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành luyện tập** - Mục tiêu: + Vận dụng giải toán nhân chia phân số +Thực hành giải được một số bài toán thực tế liên quan đếnnhân chia phân số. - Cách tiến hành: |
| **Bài 1/99** Chọn kết quả trong mỗi phép tính? - ***Làm cá nhân***- GV cho học sinh đọc yêu cầu đề bài nêu cách giải ,Tìm ở trứng cho mỗi con vật – tính và nối con vật tới ổ trứng tương ứng, cho Hs làm vở- GV NX, củng cố cách nhân, chia, trừ phân số.**Bài 2/100**: Tính bằng cách thuận tiện. (***Cá nhân)*** - GV gọi HS nêu đọc đề nêu miệng cách tính, làm vở và phiếu nhóm, đại diện trình bày chia sẻ trước lớpa.$\frac{2}{13}×\frac{22}{5}×\frac{13}{2}$b.$\frac{3}{5}×\frac{6}{7}+\frac{6}{7}×\frac{3}{5}$- Đổi vở, so sánh kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.**Bài 3/100**: Số? (Làm việc nhóm đôi ) Từ một chiếc vại ban đầu đựng 15 lít tương, người ta rót vào tất cả các lọ nhỏ có trong hình, mỗi lọ $\frac{3}{4}$ lít trong vải còn lại ? *l* tương.- GV gọi HS nêu Mỗi lọ tương nhỏ đựng hết bao nhiêu ml tương? Và có bao nhiêu lọ tương nhỏ và cách tìm.a. Tính 8 lọ tương hết bao nhiêu ml?8 lọ hết bao nhiêu lít?Còn lại bao nhiêu lít?- Cho Học sinh làm vở- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét chung, tuyên dương chấm đánh giá một số vở học sinh.\* Gv củng cố cách đổi đơn vị đo dung tích ml ra lít liên quan đến phân số. **Bài 4/100** (Nhóm đôi)5 nay ông nội của Việt 72 tuổi. Tuổi của Việt bằng $\frac{1}{8}$ tuổi của ông nội. Anh Chúc lớn hơn Việt 5 tuổi. Hỏi năm nay anh Chúc bao nhiêu tuổi?- GV gợi ý hỏi học sinh các bước tính, làm vở, 1em làm bảng lớp và chia sẻ cách tính/Gv gợi ý- Gv nhận xét tuyên dương.**Bài 5/100Tìm phân số thích hợp*?*** (Nhóm 4)Hình dưới đây cho biết chiều rộng và diện tích của các hình chữ nhật nhỏ. Chiều dài của hình chữ nhật lớn nhất trong hình là ?cm . - Giáo viên cho học sinh đọc đề. Khai thác đề bài, tìm phép tính giải. Tìm đáp số. Làm vở. Một học sinh giải thích. Trước lớp. Lớp nhận xét bổ sung.Giáo viên nhận xét tuyên dương.\* Gv củng cố cách tính chiêu fdài hình chữ nhật khi biết diện tích và chiều rộng | - HS thực hiện theo GV yêu cầuLàm vở- HS nêu lại cách nhân chia, cộng, trừ phân số.- 2,3 HS nối tiếp đọc bài, HS nêu miệng cách làm, làm vở, 1 em làm phiếu nhóm, chia sẻ cách làm trước lớpa.$\frac{2}{13}×\frac{22}{5}×\frac{13}{2}=\frac{2}{13}×\frac{13}{2}×\frac{22}{5}=1×\frac{22}{5}=\frac{22}{5}$b.$\frac{3}{5}×\frac{6}{7}+\frac{6}{7}×\frac{3}{5}=\frac{3}{5}×\frac{6}{7}+\frac{6}{7}=\frac{3}{5}×\frac{12}{7}=\frac{36}{35}$-HS theo dõi lắng nghe và chữa bài- 2,3 HS nối tiếp đọc bài. Học sinh trao đổi$$\frac{3}{4}l= 750 ml$$750 x 8 = 6000 ml 6000 ml= 6 lít15 – 6 = 9 *(l)*- Học sinh nêu miệng cách tìm và ghi kết quả vào vở: 9 lít - Lắng nghe, rút kinh nghiệm, ghi nhớ.Học sinh đọc đề, trao đổi nhóm bàn – một người hỏi, 1 người đáp Trả lời miệng+ Tính tuổi của Việt hiện nayTính tuổi của anh ChúcTrình bày vào vở, 1 HS trình bày bảng lớp và giải thích cách làmBài giảiTuổi của Việt hiên nay là:72 x $\frac{1}{8}= 9 (tuổi)$Tuổi của Anh chúc lhiện nay là:9+5 =14 (tuổi)Đáp số 14 tuổi-Học sinh theo dõi chữa bài-2 3 học sinh nối tiếp đọc đề bài.-Khai thác tìm hiểu đề chọn phép tính.- Tính diện tích hình chữ nhật lớn? (25+$\frac{21}{2}$ )Tính chiều dài hình chữ nhật lớn? (Làm nháp nêu kết quả)- Học tính độ dài từng hình chữ nhật nhỏ rồi cộng lại với nhauPhân số phù hợp là $$\frac{71}{4} $$- Một học sinh đại diện giải thích. Lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số:- Nêu cách tính chiều dài hình chữ nhật khi biết diện tích và chiều rộng ta làm như thế nào? -Nêu cách tính chiều rộng hình chữ nhật khi biết diện tích và chiều dai ta làm như thế nào?- Vận dụng tính cạnh hình vuông khi biết diện tích ta làm thế nào?- Nhận xét, tuyên dương.- Hướng dẫn chuẩn bị bài sau bài 66: Luyện tập chung trang 101. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Lấy diện tích chia cho chiều rộng.- Lấy diện tích chia cho chiều dài- HS nêu: Số nào nhân chính nó để được bằng số đo diện tích thì số đó chính là cạnh hình vuông.- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TUẦN 33. TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 26/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính:a. $ \frac{4}{15}$ x $\frac{6}{3}$ 1. $\frac{56}{99}$b. $\frac{13}{9}$ x 7 2. $\frac{24}{45}$c. $\frac{8}{9}$ : $\frac{11}{7}$ 3. $\frac{91}{9}$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: $ \frac{4}{15}$ x $\frac{6}{3}$ = $\frac{24}{45}$ $ \frac{13}{9}$ x 7 = $\frac{91}{9}$ $\frac{8}{9}$ : $\frac{11}{7}$ = $\frac{56}{99}$ - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép nhân, phép chia phân số.- Phát triển năng lực tư duy và năng lực giải quyết vấn đề.- Vận dụng bài học vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc cá nhân) Biểu thức nào sao đây có giá trị lớn nhất.1. 15 x $\frac{2}{3}$
2. $(\frac{2}{3}-\frac{1}{6} )$ : 5
3. $(\frac{7}{4}$ x $\frac{8}{3})$ : $\frac{1}{3}$

- GV hướng dẫn học sinh thực hiện các biểu thức và so sánh để tìm giá trị lớn nhất.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2) - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở. - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5) - GV cho HS làm theo nhóm.- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo gợi ý.+ Quan sát khi em thấy có mấy khi khay đựng ốc vít?+ Có mấy khay đựng ốc vít màu trắng?+ Trong hình có hai loại ốc vít có số lượng bằng nhau, đó là loại ốc vít màu gì?+ Bài toán cho biết tổng số ốc vít là bao nhiêu?+ Số ốc vít ở mỗi khay như thế nào?- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)- GV mời 1 HS nêu cách làm:- GV chia nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. | - HS lần lượt thực hiện từng phép tính để tìm giá trị lớn nhất.1. 15 x $\frac{2}{3}$ = $\frac{30}{10}$ = 10
2. $(\frac{2}{3}-\frac{1}{6} )$ : 5= $\frac{3}{6}$ : 5 = $\frac{3}{30}$
3. $(\frac{7}{4}$ x $\frac{8}{3})$: $\frac{1}{3}$ = $\frac{56}{12}$ : $\frac{1}{3}$ = $\frac{168}{12}$ = 14

- Vì $\frac{3}{30}$ < 1 nên ta chỉ cần so sánh giá trị biểu thức A và giá trị của biểu thức C để tìm ra biểu thức có giá trị lớn nhất.- Kết quả: Biểu thức C có giá trị lớn nhất.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc yêu cầu bài toán.- Các nhóm làm việc theo phân công.a.Tổ của bác Diễm nhận đan 250 hộp cóib. Sau khi làm xong toàn bộ số hộp cói của tổ bác Diểm được 1 ro bốt chuyển đến kho. Biết mỗi hộp cói nặng $\frac{3}{2}$ kg. Vậy rô bốt đã chuyển tất cả 375 kg.- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.- HS trả lời các câu hỏi gợi ý.+ Có 8 khay đựng ốc vít?+ Có 2 khay đựng ốc vít màu trắng.+ Ốc vít màu, màu đen.+ Tổng số ốc vít là 800 cái.+ Số ốc vít ở mỗi khay như nhau.a, Số ốc vít màu đen chiếm $\frac{3}{8}$ tổng số ốc vít của cửa hàng.b, Số ốc vít màu trắng là 200 cái.- Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- 1 HS trình bày cách làm phân tích câu nói của 2 bạn Tí và Tèo.+ Tèo nói: “Tí đã lấy $\frac{1}{4}$ số miếng bánh chưng” – Theo hình tức là Tí lấy 2 miếng bánh. Tèo nói đúng+ Tí nói: “Tèo đã lấy $\frac{1}{5}$ số miếng bánh chưng” – Theo hình thì Tí nói sai - HS làm việc theo yêu cầu.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép nhân, phép chia phân số:- Ví dụ: Trong các phép tính sau, phép tính nào làm đúng? Yêu cầu HS chữa lại cho đúng các phần bài làm sai. a. $\frac{8}{5} $: $\frac{4}{5}$ = $\frac{2}{5}$ b.$\frac{6}{9}$ x $\frac{2}{5}$ = $\frac{30}{18}$ c.$\frac{11}{3}$ x $\frac{3}{11}$ = $\frac{33}{33}$ = 1- Mời học sinh tham gia trải nghiệm. - Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_